

Bản án số: 19/2019/DS-PT

Ngày: 22-02-2019

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất  
và tài sản trên đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Tống Văn Viên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Giới

Ông Huỳnh Văn Hoàng Văn

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Thạch Huỳnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:*** Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/DS-PT ngày 17/8/2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DSST, ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 472A/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Văn Ch, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú : ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có ông Tô Minh L, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp Kinh B, xã H, huyện CL theo văn bản ủy quyền ngày 04-12-2018 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Đặng Văn Ch, Văn phòng luật sư Đặng Văn Ch thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 (có mặt)

Bà Tô Thị E, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Bà Tô Thị E: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2017).

Đồng nơi cư trú: ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lương Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt)
- Ông Tô Minh L, sinh năm 1984 (có mặt)
- Bà Tô Thị Cẩm Nh, sinh năm 1988 (vắng mặt)
- Ông Tô Vũ Trường Gi, sinh năm 1989 (vắng mặt)
- Bà Tô Thị Hồng Ng, sinh năm 1993 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị Bích Ch, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Đồng nơi cư trú: ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Tô Thị Kiều Trang, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Trà Ôp, xã Tân Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Lành, bà Nh, ông Gi, bà Ng, bà Ch và bà Tr có ông Tô Minh L, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp Kinh B, xã H, huyện CL (theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2017, 17/10/2017 và ngày 18/10/2017)

- Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1981 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Trường H, sinh năm 1985 (có mặt)
- Ông Trần Duy C, sinh năm 1979 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đồng nơi cư trú: ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Ng, ông H, ông C và bà Th có Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954; Nơi cư trú: ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2017)

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tô Văn Ch trình bày:* Diện tích đất tranh chấp 236,6m<sup>2</sup> trong tổng có diện tích là 2.350m<sup>2</sup> thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 05, loại đất ở - quả, tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL, có nguồn gốc là do của cha mẹ ruột để lại trước năm 1975 và được ủy ban nhân dân huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996, do ông đại diện hộ đứng tên. Giáp với phần đất của ông là thửa 204 của Ông Nguyễn Văn D và vợ tên Tô Thị Em, quá trình sử dụng Ông D và Bà E lấn chiếm đất của ông diện tích 236,6m<sup>2</sup>, sau nhiều lần thương lượng nhưng không được. Nay ông yêu cầu hộ Ông D, Bà E phải có nghĩa vụ giao trả diện tích 236,6m<sup>2</sup> trong tổng có diện tích là 2.350m<sup>2</sup> thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 05, loại đất ở - quả, tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL cho gia đình ông, đồng thời phải di dời toàn bộ tài sản trên đất ra khỏi diện tích lấn chiếm.

*Bị đơn Ông Nguyễn Văn D và Bà Tô Thị E trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:* Gia đình ông, bà có diện tích 1.540m<sup>2</sup> thuộc thửa số 204 loại đất ở-quả, thuộc tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh mua vào năm 1992 và đã được ủy ban nhân dân huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 do hộ Bà Tô Thị E đứng tên, ông bà sử dụng đất ổn định như trồng cây lâu năm là dừa, xoài... và xây vật kiến trúc là chuồng bò, chuồng heo. Đến năm 2015 ông Tô Văn Ch cho rằng hộ của ông, bà lấn đất giáp ranh liền kề của gia

đình ông Ch thuộc thửa số 205 là không đúng. Nay ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn bà Lương Thị Lành, bà Tô Thị Cẩm Nhung, bà Tô Thị Kiều Trang, ông Tô Vũ Trường Giang, bà Tô Thị Hồng Nguyên, bà Nguyễn Thị Bích Châm và ông Tô Văn Luyện thống nhất lời trình bày của ông Tô Văn Ch, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh Nga, ông Nguyễn Trường Hận, ông Trần Duy Cương và bà Nguyễn Thị Bích Thủy thống nhất lời trình bày của Ông Nguyễn Văn D và Bà Tô Thị E, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DSST ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện CL đã xử:

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39; 147; 165; 166 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 10; 49; 50; 105 và 136 Luật đất đai được sửa đổi bổ sung năm 2003; Các Điều 5; 6; 7; 12; 20; 26; 100; 166; 170; 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Các Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch.

Buộc hộ Ông Nguyễn Văn D gồm: Ông Nguyễn Văn D, Bà Tô Thị E, bà Nguyễn Thị Huỳnh Nga, ông Nguyễn Trường Hận, ông Trần Duy Cương và bà Nguyễn Thị Bích Thủy có nghĩa vụ giao diện tích 135,7m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa số 205, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Tô Văn Ch.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận, về án phí, chi phí khảo sát, định giá.

Ngày 12/7/2018 Ông Nguyễn Văn D là bị đơn kháng cáo không đồng ý giao diện tích 135,7m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa số 205, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Tô Văn Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

*Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Việc kháng cáo của Ông D là không có căn cứ. Bởi lẽ vào thời điểm Ông D nhận chuyển nhượng đất thì không xác định được diện tích bao nhiêu và cũng không xác định được ranh đất vào thời điểm Ông D nhận chuyển nhượng của ông Tô Văn Dương, trong khi đó phía nguyên đơn đã xác định được ranh đất là cây dừa cũng như trong

kết quả thẩm định cũng thể hiện phần đất tranh chấp nằm trong phần đất của nguyên đơn. Về cây cối do tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn đã thống nhất đốn bỏ cây, cấp sơ thẩm đã làm rõ vấn đề này nên nguyên đơn không đồng ý bồi thường, thống nhất án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo kết quả thẩm định lại của cấp phúc thẩm thì kết quả do các bên chỉ ranh có sự thay đổi. Do đó, việc kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm buộc bị đơn trả diện tích 56,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 205 cho hộ ông Ch và nguyên đơn phải trả giá trị cây cối cho bị đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên có cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn D kháng cáo còn trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, nguyên đơn ông Tô Văn Ch có đất thửa 205, diện tích là 2.350m<sup>2</sup> (có nguồn gốc của cha mẹ ruột để lại) và đã được Ủy ban nhân dân huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Văn Ch vào năm 1996. Bị đơn Ông Nguyễn Văn D và vợ Bà Tô Thị E có thửa đất số 204 diện tích 1.540m<sup>2</sup> (có nguồn gốc vợ chồng mua của ông Tô Văn Dương năm 1992) và đã được Ủy ban nhân dân huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Bà Tô Thị E vào năm 1996. Hai thửa đất trên cùng tờ bản đồ số 05, loại đất ở - quả, tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. Hai bên sử dụng đất từ trước đến nay không có thể hiện trụ ranh đất mà hai thửa đất trên giáp ranh với nhau bởi cái mương, Ông D khi nhận chuyển nhượng đất của ông Dương cũng không có mời phía hộ ông Ch để xác định vị trí, ranh đất, khi chuyển nhượng cũng không thẩm định, đo đạc mà chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên giấy tờ sang nhượng. Khi hai bên còn thuận thảo, quá trình sử dụng đất phía Ông D có trồng cây dừa trên phần ranh đất tranh chấp và sử dụng chung cái mương không ai tranh chấp gì. Theo lời khai ông Tô Văn Dương (chủ thửa đất 204) cho rằng, vào thời điểm ông chuyển nhượng thửa 204 cho Ông D, Bà E là chuyển nhượng nguyên miếng đất, chỉ làm thủ tục trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có đo lại diện tích thực tế cụ thể là bao nhiêu mà chỉ xác định cái mương do ông Ch sử dụng làm ranh giữa hai bên.

[3] Theo sơ đồ khu đất số 234/VPĐKĐĐ-KTĐĐ ngày 19-4-2018 của Văn Phòng đăng ký đất đai đã được cấp sơ thẩm thẩm định thể hiện ranh đất đo đạc năm 1996 giữa hộ ông Ch và hộ Ông D cho nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc hộ Ông D trả diện tích 135,7m<sup>2</sup> cho hộ ông Ch là có căn cứ. Tuy nhiên, trong sơ đồ thể hiện đất theo hiện trạng hộ ông Ch sử dụng diện tích 2.573,7m<sup>2</sup> (không tính phần diện tích đất tranh chấp) tăng so với diện tích độ ông Ch được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.350m<sup>2</sup> nhưng cấp

sơ thẩm chưa làm rõ nguyên nhân tăng diện tích đất này nên tại phiên tòa cấp phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu thẩm định lại phần đất tranh chấp theo yêu cầu của bị đơn kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, sau khi phần đất tranh chấp đã được thẩm định lại thể hiện trong sơ đồ khu đất số 50/VPĐKĐĐ-KTĐĐ ngày 18-02-2019 của Văn Phòng đăng ký đất đai thấy rằng, thửa đất của hai bên đã được UBND huyện CL cấp giấy chứng nhận không có chồng lấn nhau, thể hiện ranh đất giữa các bên đã kê khai, đo đạc năm 1996. Theo đó, việc sử dụng đất của các bên đã chỉ ranh theo hiện trạng thì có sự biến động về diện tích đất. Cụ thể, thửa đất 205 của hộ ông Tô Văn Ch diện tích đang sử dụng là 2.538,1m<sup>2</sup> và thửa đất 204 của hộ Nguyễn Văn Dện (do vợ Bà Tô Thị E đứng tên) diện tích đang sử dụng là 1.558,7 m<sup>2</sup> (không tính phần đất tranh chấp) đều tăng so diện tích được cấp giấy chứng nhận, nguyên nhân chủ yếu là do lấn phần diện tích kênh công cộng. Đối với phần ranh đất tranh chấp diện tích 123,8m<sup>2</sup> hiện nay do phía hộ Ông D đang quản lý, sử dụng. Trong đó, phần tranh chấp một phần diện tích 3,5m<sup>2</sup> thuộc kênh công cộng; một phần diện tích 36,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 204 của hộ Ông D và một phần diện tích 56,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 205 của hộ ông Ch. Do đó, có căn cứ xác định hộ Ông D đã sử dụng đất lấn sang phần đất của hộ ông Ch diện tích là 56,5m<sup>2</sup> (một phần cái mương) trên phần đất tranh chấp, không phải diện tích 135,7m<sup>2</sup> như án sơ thẩm đã xử dựa theo sơ đồ khu đất tại cấp sơ thẩm.

[4] Xét về tài sản trên đất tranh chấp nằm về phần đất 56,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 205 của hộ ông Ch có cây ăn trái do hộ Ông D trồng gồm 02 cây Xoài, 01 cây Mít, 05 cây Dừa và 03m<sup>3</sup> dừa nước. Tổng giá trị 1.959.000 đồng như cấp sơ thẩm đã định giá (đã được các bên thống nhất giá trị cây ăn trái không yêu cầu định giá lại). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Ông D không thống nhất việc tự nguyện đôn số cây ăn trái này để trả đất cho ông Ch và có đề nghị Hội đồng xem xét bồi thường giá trị cây ăn trái trên phần đất này nếu công nhận phần đất cho ông Ch là có căn cứ.

[5] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần.

[6] Chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí. Theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi thì Ông D sinh năm 1954 là thuộc người cao tuổi và theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì phần án phí Ông D chịu được miễn nộp. Cấp sơ thẩm buộc Ông D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chịu án phí và buộc chịu án phí bao gồm giá trị cây cối (01 cây dừa 08 năm tuổi) của nguyên đơn trên phần đất tranh chấp là không đúng. Nghi nên sửa lại phần này cho phù hợp quy định pháp luật.

Ông Tô Văn Ch và Ông Nguyễn Văn D với Bà Tô Thị E phải chịu chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39; 147; 165; 166 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 10; 49; 50; 105 và 136 Luật đất đai được sửa đổi bổ sung năm 2003; Các Điều 5; 6; 7; 12; 20; 26; 100; 166; 170; 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn D

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch.

2. Buộc hộ Ông Nguyễn Văn D gồm: Ông Nguyễn Văn D, Bà Tô Thị E, bà Nguyễn Thị Huỳnh Nga, ông Nguyễn Trường Hận, ông Trần Duy Cương và bà Nguyễn Thị Bích Thủy có nghĩa vụ giao diện tích 56,5m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa số 205, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp Kinh B, xã H, huyện CL, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Tô Văn Ch. Đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp thửa 205, có chiều dài 68,2 mét

Hướng Tây tiếp giáp thửa 204 có 02 đoạn: đoạn 1 dài 52 mét và đoạn 2 dài 12,6 mét.

Hướng Nam tiếp giáp Kênh, có chiều dài 01 mét.

Hướng Bắc tiếp giáp tỉnh lộ 911 có số đo 00 mét

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 50/VPĐKĐĐ-KTĐC đề ngày 18/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh)

3. Buộc hộ ông Tô Văn Ch phải bồi thường giá trị cây ăn trái số tiền 1.959.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng) cho hộ Ông Nguyễn Văn D, Bà Tô Thị E.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm: Số tiền là 5.131.000 đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng*). Buộc nguyên đơn ông Tô Văn Ch và bị đơn Ông Nguyễn Văn D, Bà Tô Thị E mỗi bên phải chịu số tiền 2.565.500 đồng (*Hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng*). Do hộ của ông Tô Văn Ch tạm ứng trước đã nộp xong nên không phải nộp tiếp. Số tiền thu được từ hộ Ông Nguyễn Văn D được trả lại cho ông Tô Văn Ch.

Về chi phí thẩm định, định giá tại cấp phúc thẩm: Số tiền là 4.540.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bốn chục ngàn đồng*). Buộc hộ ông Tô Văn Ch và hộ Ông

Nguyễn Văn D, Bà Tô Thị E mỗi hộ (bên) phải chịu số tiền 2.270.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bảy chục ngàn đồng*). Do Ông Nguyễn Văn D tạm ứng trước đã nộp xong, nên không phải nộp tiếp. Số tiền thu được từ hộ ông Tô Văn Ch được trả lại cho Ông Nguyễn Văn D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Bà Tô Thị E phải chịu 423.750 đồng (Bốn trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm năm chục đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Tô Văn Ch phải chịu 1.285.950 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 355.000 đồng (*Ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 001255, ngày 29 tháng 9 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, số tiền còn thiếu 237.500 đồng ông Tô Văn Ch phải nộp tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

6. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Ông Nguyễn Văn D đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017423 ngày 12-7-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện CL;
- TAND huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tổng Văn Viên**